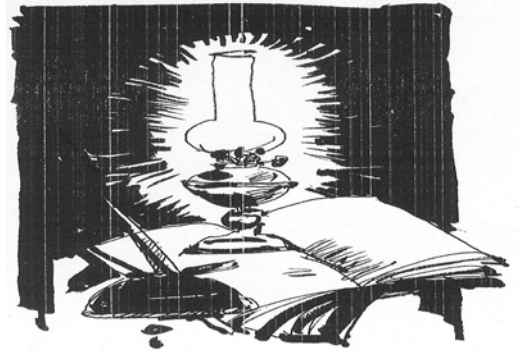


NGHIÊN CỨU LUẬT PHÁP:

HIỆN TRẠNG ĐỊNH CHẾ VÀ LUẬT GIA ĐÌNH HOA-KỲ



Tạ-quốc-Tuấn

Ở Hoa-kỳ, từ hậu bán thế kỷ thứ 20, hay, nói cho chính xác hơn, từ thập niên 1960 trở đi, cái gọi là “*cách mệnh tính dục*”, với những sinh hoạt bên ngoài các luật lệ chính thức, đã tạo nên rất nhiều thay đổi trọng đại về mọi phương diện trong lĩnh vực quan hệ gia đình.

I. Thế Nào Là Một Gia Đình?

Để có thể hiểu rõ tương quan pháp lý hiện hữu trong khung cảnh luật gia đình Hoa-kỳ, trước hết chúng ta cần tìm hiểu thế nào là một gia đình theo quan điểm pháp lý của Hoa-kỳ.

Ý niệm “*gia đình*” có thể hiểu theo nhiều cách.

A. Định Nghĩa Hẹp

“*Gia đình*” có thể chỉ một nhóm người có liên hệ với nhau do huyết thống, hôn nhân, hay nghĩa dưỡng.

Chẳng hạn, điều 71.003 bộ **Luật Gia Đình Texas** (2004) đã định nghĩa “*gia đình*” như sau:

“*Gia đình*’ gồm những cá nhân có liên hệ do huyết thống hay hôn nhân, ..., những cá nhân là những người phối ngẫu trước của nhau, những cá nhân là cha mẹ của cùng người con, bất luận đã kết hôn hay chưa, và con nuôi và cha, mẹ nuôi, bất luận những cá nhân đó có sống chung với nhau hay không.”

Trong vụ *Village of Belle Terre v. Boraas*, 416 U.S. 1, 94 S.Ct. 1536, 39 L.Ed. 2d 797 (1974), TCPV Hoa-kỳ đã duy trì một nghị định phân khu của

Làng Belle Terre và định nghĩa gia đình là “*một hay nhiều người có liên hệ huyết thống, nghĩa dưỡng hay hôn nhân, sống và nấu nướng chung với nhau như là một đơn vị kinh tế gia đình đơn độc, không kể đầy tớ trong nhà...*”

Nói cách khác, theo TCPVHK, trong vụ *Village of Belle Terre* này nghị định phân khu chỉ có ảnh hưởng tới những cá nhân không có liên hệ gia đình với nhau thôi. Hơn nữa, Tòa còn duy trì nghị định này vì nó đề xướng “*các nhu cầu gia đình*” và “*các giá trị gia đình*”.

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Thẩm phán Marshall đã không đồng ý với phán quyết của nhóm thẩm phán đa số, vì cho rằng nghị định này tích cực kỳ thị những người không tuân thủ truyền thống (nonconformists).

“*Belle Terre áp đặt hạn chế lên những người đi ra ngoài tiêu chuẩn của cộng đồng trong việc lựa chọn những người bạn sống chung nhiều đáng kể hơn là áp dụng đối với những nhóm cư dân có liên hệ với nhau do huyết thống hay hôn nhân, và tạo nên trật tự đã thiết định trong phạm vi cộng đồng. Thực tế ra, Belle Terre đã hành động để ngăn chặn những cá nhân chọn cách sống khác với những cư dân hiện tại khác.*”

Trái lại, TCPVHK đã có quyết định khác trong vụ *Moore v. City of East Cleveland, Ohio*, 431 U.S. 494, 97 S.Ct. 1932, 52 L. Ed. 2d 531 (1977).

Nguyên thành phố East Cleveland thuộc tiểu bang Ohio có một nghị định về gia cư, trong đó phân tiết 1341.08 qui định rằng:

“*Gia đình*’ có nghĩa là một số cá nhân có liên hệ với chủ gia đình trên danh nghĩa sống như một đơn vị kinh tế gia đình đơn độc trong một đơn vị gia cư đơn độc⁽¹⁾, nhưng giới hạn tới những người sau:

- (a) *Chồng hay vợ của người chủ gia đình trên danh nghĩa.*
- (b) *Các con không kết hôn của người chủ gia đình trên danh nghĩa, hay của người phối ngẫu của người chủ gia đình trên danh nghĩa, miễn là những người con không kết hôn đó không có con chung sống với họ.*
- (c) *Cha hay mẹ của người chủ gia đình trên danh nghĩa hay của người phối ngẫu của người chủ gia đình trên danh nghĩa.*
- (d) ... *một gia đình có thể gồm không có hơn một người con phù dưỡng⁽²⁾ đã hay không kết hôn của người chủ gia đình trên danh nghĩa hay của người phối ngẫu của người chủ gia đình trên danh nghĩa và người phối ngẫu và các con phù dưỡng thuộc của người con phù dưỡng đó. Vì mục đích của phân tiết này, một người phù dưỡng là một người có hơn năm mươi phần*

trăm tổng số cấp dưỡng do người chủ gia đình trên danh nghĩa và người phối ngẫu của người chủ gia đình trên danh nghĩa cung cấp.

(e) Một gia đình có thể gồm có một cá nhân.”

TCPVHK thấy nghị định của thành phố East Cleveland

“đã chọn qui định việc chiếm cứ nhà bằng cách cắt sâu vào trong gia đình. Đây không phải chỉ là kết quả ngẫu nhiên của nghị định. Ngoài mặt thì nó chọn một vài loại người thân thuộc có thể sống chung với nhau và tuyên bố những người khác không được. Đặc biệt là nó đặt một bà chọn sống chung với cháu... thành một tội.”

Tòa còn phán rằng qua gia đình nhiều giá trị, luân lý và văn hóa mà người Hoa-kỳ trân ái được lưu truyền.

“Truyền thống của chúng ta quyết không phải là một truyền thống giới hạn vào việc tôn trọng những mối ràng buộc hợp nhất những người trong gia đình nồng cốt cơ sở. Truyền thống chú bác, cô dì, anh chị em họ, và đặc biệt là ông bà sống chung trong một nhà cùng với cha mẹ và con cái có những căn nguyên cũng đáng kính và cũng đáng được thừa nhận một cách hợp hiến. Trái qua năm tháng hàng triệu công dân chúng ta đã trưởng thành trong một môi trường như vậy và chắc chắn là hầu hết đã đắc lợi từ môi trường đó. Ngay dù cho các điều kiện của xã hội hiện đại đã làm suy giảm những đại gia đình này, nó cũng không thể xóa bỏ trí thức văn minh tích tụ, đạt được qua bao nhiêu thế kỷ và được tôn kính suốt trong chiều dài lịch sử của chúng ta, đã cổ lệ một quan niệm lớn lao hơn về gia đình. Do lựa chọn nhu cầu, hay ý thức trách nhiệm gia đình, những người có liên hệ gần đã tụ họp lại với nhau và tham dự vào các bổn phận và thỏa mãn của một gia đình thông thường. Những quyết định có liên quan tới việc nuôi dạy con cái mà các vụ Yoder, Meyer, Pierce⁽³⁾, và nhiều vụ khác nữa đã công nhận là được hiến pháp bảo vệ đã từ lâu cùng chung với ông bà và các thân thuộc khác sống trong cùng một nhà -- thực thế, họ có thể lĩnh trách nhiệm lớn lao dưỡng dục con cái. Đặc biệt là trong những lúc bất hạnh như là một người phối ngẫu chết hay vì nhu cầu kinh tế đại gia đình có khuynh hướng tụ họp lại để nâng đỡ lẫn nhau và duy trì hay tái tạo một đời sống gia đình ổn cố.”

Đoạn TCPVHK kết luận rằng: “Hiến pháp ngăn cấm East Cleveland không được tiêu chuẩn hóa trẻ con – và cả người lớn nữa-- của thành phố bằng cách ép họ phải sống trong những khuôn mẫu gia đình được định nghĩa hẹp hòi.”

B. Định Nghĩa Rộng

Còn theo định nghĩa rộng thì một gia đình có thể gồm cả gia đình phi truyền thống (sẽ xét trong phần III bên dưới), nghĩa là một trong những nhóm người sống trong cùng một nhà.

Trong vụ *Braschi v. Stahl Associates Company*, 74 N.Y. 2d 201, 544 N.Y.S. 2d 784, 543 N.E. 2d 49 (1989), Tòa Thượng Thẩm tiểu bang New York đã giải thích từ “gia đình” dùng trong **Luật Kiểm Soát Tiền Thuê Nhà** (Rent Control Code) của thành phố New York.

Miguel Braschi và Leslie Blanchard là hai người đàn ông đồng tính luyến ái sống trong một căn nhà chung cư tiền thuê nhà có kiểm soát (rent-controlled apartment) ở thành phố New York từ mùa hạ 1975 đến khi Blanchard chết tháng 9 năm 1986. Sau khi Blanchard chết, chủ chung cư trục xuất Braschi căn cứ vào việc chỉ có Blanchard là người thuê nhà ghi tên trong sổ sách. Braschi lý luận rằng ông là một thành viên “gia đình” của Blanchard, như vậy là được bộ **Luật Kiểm Soát Tiền Thuê Nhà** bảo vệ. Bộ luật không định nghĩa gia đình như thế nào, còn chủ chung cư lập luận rằng từ “gia đình” theo bộ luật này phải định nghĩa như là vì mục đích quyết định sự thừa kế không có di ngôn, một thủ tục đòi hỏi một quan hệ căn cứ theo huyết thống, hôn nhân hay nghĩa dưỡng. Braschi thì lập luận rằng mục đích của bộ luật, tức là bảo vệ những người trong gia đình khi có việc chết chóc bất ngờ trong nhà, cần phải được giải thích rộng rãi hơn.

Tòa Thượng Thẩm New York đã đồng ý với Braschi, cho rằng từ “gia đình” dùng trong điều 9 NYCRR6(d) “*không nên giới hạn ngặt nghèo chỉ vào những người đã chính thức hóa quan hệ của mình, thí dụ bằng một chứng thư giá thú hay một lệnh nghĩa dưỡng.*”

Tòa còn phán rằng việc bảo vệ người thuê nhà khỏi bị bắt chột trục xuất “*không nên dựa vào những sự phân biệt pháp lý giả tưởng hay vào quá khứ di truyền, mà phải tìm nền tảng trong thực tại của sinh hoạt gia đình.*”⁽⁴⁾

Tòa nói thêm rằng:

“*Về khía cạnh trục xuất, một quan điểm hiện thực hơn và chắc chắn cũng là hữu hiệu, đối với một gia đình gồm có hai người thành niên cộng đồng hợp tác chung thân⁽⁵⁾ mà quan hệ của họ có tính cách lâu dài với đặc điểm là một sự cam kết tình cảm và tài chính và nương tựa lẫn nhau.*”

Theo Tòa, quan điểm này thích hợp với cả quan niệm truyền thống về gia đình của xã hội Hoa-kỳ lẫn những mong mỏi của các cá nhân sống trong những đơn vị nòng cốt như vậy.

Ngoài ra, Tòa còn dẫn các định nghĩa từ “*gia đình*” của các bộ từ điển **Webster** là “*một nhóm người liên hợp với nhau bởi những tín nhiệm hay liên hệ chung nào đó*” (**Webster’s Ninth New Collegiate Dictionary**, 1984, tr. 448), **Ballantine’s Law Dictionary** rằng gia đình “*trước hết là một khối người sống chung với nhau trong một ngôi nhà và dưới quyền một người chủ hay quản trị*” (3d ed. 1969, tr. 456), **Black’s Law Dictionary** (Special Deluxe 5th ed., 1979, tr. 543), v.v.⁽⁶⁾

Đoạn Tòa cho rằng khi dùng từ “*gia đình*”, cơ quan lập pháp tiểu bang New York “*có ý khai triển sự bảo vệ tới những người sống trong nhà có tất cả những đặc điểm của gia đình thông thường.*”

Theo Tòa, định nghĩa “*gia đình*” như vậy còn tương hợp với các mục đích của **Luật Kiểm Soát Tiền Thuê Nhà** là bảo vệ các cá nhân khỏi bị nhiễu loạn bất chợt và từ từ chuyển sang một hệ thống thị trường tự do.

“*Những người trong gia đình, dù có liên hệ về huyết thống hay theo luật pháp hay không, lúc nào cũng coi chung cư là gia đình của họ cần được bảo vệ khỏi bị lâm nạn trục xuất sau khi một người ở thuê chết, do đó đã xúc tiến các vấn đề của cơ quan lập pháp là ngăn ngừa nhiễu loạn và duy trì các đơn vị gia đình nếu không thì có thể bị tan vỡ khi bị trục xuất.*”

Tòa cho rằng “[p]hương pháp này sẽ khích lệ sự biến chuyển từ kiểm soát tiền thuê nhà sang ổn định tiền thuê nhà bằng cách phân biệt giữa những cá nhân thực tế là thành viên gia đình thực sự và những cá nhân chỉ là những người ở trọ chung... hay những người thân thuộc mới phát giác hy vọng kế thừa nhà chúng cư tiền thuê nhà được kiểm soát sau khi người thuê nhà hiện hữu qua đời.”

Trong vụ *Hann v. Housing Authority of the City of Easton*, 709 F. Supp. 605 (E.D. Pa. 1989), một tòa án liên bang đã phải giải thích nghĩa của từ “*gia đình*” dùng trong **Luật Gia Cư Hoa-kỳ** (U.S. Housing Act) và các điều lệ do Bộ Gia Cư và Phát Triển Đô Thị ban hành.

Ty Gia Cư Thành phố Easton đã bác đơn xin trợ giúp gia cư cho những người có lợi tức thấp trên căn bản độc nhất là những người đệ đơn xin không kết hôn với nhau tuy có 3 con. Căn cứ vào quan niệm là việc hai người nam

nữ sống chung với nhau không hôn thú là vô đạo đức, Ty Gia Cư Thành phố Easton đã giải thích từ “*gia đình*” dùng trong **Luật Gia Cư Hoa-kỳ** và các điều lệ của Bộ Gia Cư và Phát Triển Đô Thị có nghĩa là “*hai hay nhiều người sống chung với nhau trong một ngôi nhà và có liên hệ với nhau do huyết thống, hôn nhân hay nghĩa dưỡng.*”

Tòa đã bác giải thích của Ty Gia Cư Thành phố Easton, nói rằng mục đích của **Luật Gia Cư Hoa-kỳ** là cung cấp nhà ở cho những gia đình có lợi tức thấp và lịch sử lập pháp không đồng ý từ “*gia đình*” phải hiểu là chỉ có nghĩa là gia đình “*truyền thống*”. Ngoài ra, tòa còn đưa ra một số lý do để bác khước định nghĩa của Ty Gia Cư Thành phố Easton.

Thứ nhất, “*Bộ Gia Cư và Phát Triển Đô Thị đã thừa nhận là các cặp vợ chồng có con cái thường có thể tạo nên một tình hình gia đình tích cực khi không kết hôn với nhau.*”

Thứ hai, ở một số tiểu bang (như là New York và California) các nhà chức trách về gia cư thường xuyên cho phép các cặp nam nữ sống chung với nhau được tham dự vào chương trình các gia cư lợi tức thấp.

Thứ ba, “*định nghĩa của bị cáo hạn chế đến nỗi đã loại trừ những quan hệ phổ thông pháp⁽⁷⁾ được luật lệ tiểu bang công nhận như là tương đương với hôn nhân truyền thống.*”

Thứ tư, chứng cứ thực nghiệm cho thấy là loại trừ các cặp nam nữ không hôn thú khỏi chương trình gia cư được chính phủ trợ giúp là vô lý. Theo chứng thư của một chức viên xã hội học, năm 1986 có 2.200.000 cặp sống chung, trong đó khoảng 30% hay 660.000 cặp sống với con. Sống chung không hôn thú còn xảy ra trong những người ở giai cấp từ hạ lưu đến hạ trung lưu. Do đó, “*loại trừ một khối người lớn lao như vậy không cho được trợ giúp thuê nhà là vô lương tâm. Quốc hội không có ý định từ chối không cho những cá nhân này và con cái vô tội của họ được sử dụng chương trình gia cư an toàn và vệ sinh mà Luật Gia Cư Hoa-kỳ hứa hẹn.*”

Đoạn tòa kết luận rằng trong khi tòa, cũng như Ty Gia Cư Thành phố Easton, ủng hộ quan niệm truyền thống về hôn nhân và gia đình, Ty Gia Cư đã không xét đến ảnh hưởng lớn lao hơn chính sách của họ đối với con cái nhà nghèo. “*Thật là một thế giới kỳ quặc nơi mà việc cha mẹ không có chứng thư giá thú đã buộc con cái phải sống cuộc sống vô gia cư. Dù việc cha mẹ cự tuyệt hôn thú là đạo đức hay vô đạo đức, khôn ngoan hay khờ dại, bản Tòa không thể cho phép tội lỗi của cha mẹ giáng xuống con cái.*”

C. Các Mẫu Phân Tích Khác

Ngoài ra, còn có thể phân tích gia đình theo các mẫu sau là: mẫu cấu tạo (organic model), mẫu cá nhân chủ nghĩa (individualistic model), hay mẫu cộng đồng (community model).

Mẫu gia đình cấu tạo nhấn mạnh vào cái hay, cái tốt của đơn vị gia đình, và bỏ qua không đếm xỉa tới các cá nhân thành viên. Đó chính là quan niệm đơn vị gia đình truyền thống có thứ tự, theo giai cấp.

Mẫu gia đình cá nhân chủ nghĩa, trái lại, coi gia đình như là gồm có những cá nhân phân lập và cách biệt (discrete and separate individuals), hoàn toàn khác biệt với đơn vị gia đình.

Ngoài ra, một gia đình có thể biện minh về phương diện luân lý bằng mẫu cộng đồng (community model), theo đó gia đình chẳng những là có chức năng dưỡng dục con cái và góp phần vào phúc lợi kinh tế của các thành viên trong gia đình, mà gia đình lại còn đem lại nhân tâm và thỏa mãn tâm lý nữa. Cũng vì thế luật gia đình có nhiệm vụ: (a) làm giảm bớt những bất chắc và bất công có liên quan tới quan hệ vợ chồng không có qui tắc nào; (b) thiết lập việc giám hộ con cái; (c) ngăn ngừa không để cho con cái bị xâm hại; (d) qui định các quyền lợi và nghĩa vụ kinh tế cho các thành viên trong gia đình; và (e) thiết lập những qui tắc làm sung mãn hạnh phúc của con người trong phạm vi quan hệ gia đình.

Tuy nhiên, dù có được định nghĩa như thế nào đi nữa, sức đàn hồi đáng chú ý của đơn vị gia đình trước hết có liên hệ tới vai trò của gia đình trong việc dưỡng dục và xã hội hóa con cái và tới sự nâng đỡ xã hội và kinh tế hỗ tương của các cá nhân thành viên của gia đình.

II. Mô Hình Gia Đình Không Nhất Trí

Vì Hoa-kỳ là một quốc gia do nhiều chủng tộc và dân tộc tạo thành nên, mô hình cư trú và gia đình điển hình thay đổi rất nhiều tùy theo các chủng tộc và dân tộc thành phần đó.

Chẳng hạn, theo bản **Thống Kê Sơ Lược của Hoa-kỳ năm 1995** do Cục Điều Tra Nhân Khẩu thuộc bộ Thương mại Hoa-kỳ soạn thì:

1. Những người con ngoại hôn gồm 68% da đen, 23% da trắng, 6% gốc Trung-quốc.

2. 82% người Á-châu và da trắng, 68% người nói tiếng Tây-ban-nha (Hispanics), và 46% người da đen sống trong gia đình của những cặp vợ chồng có hôn thú.

3. Tỷ số những người da đen và da trắng sống trong gia đình do một người làm chủ đều nhau là 12%, nhưng tỷ số người da đen sống với thân thuộc không phải là người phối ngẫu là 48%, gấp đôi số người da trắng, 24%.

Mặt khác, mô hình gia đình cũng thay đổi tùy theo tình trạng xã hội và kinh tế.

1. Đối với những cặp vợ chồng có lợi tức dưới mức nghèo của toàn thể dân số thì tỷ số ly dị gần gấp đôi.

2. Các người con ngoại hôn cũng có liên hệ rất chặt chẽ với mức lợi tức thấp kém.

III. Hai Loại Gia Đình

Một trong những kết quả mà những biến đổi cách sống trong xã hội Hoa-kỳ đã đem lại là sự xuất hiện của loại gia đình phi truyền thống bên cạnh loại gia đình truyền thống mà luật gia đình phải đương đầu.

A. *Gia Đình Truyền Thống*

Bản chất của hôn nhân và các quyền lợi cùng nghĩa vụ do quan hệ gia đình đem lại đã trải qua một quá trình lâu dài, đàn hồi và tiến hóa, trong đó những nguyên tắc đạo cũng như đời đã liên kết với nhau.

Luật gia đình Hoa-kỳ một phần lớn đã phỏng theo các luật lệ về hôn nhân và gia đình của Anh quốc, được áp dụng từ khi người Anh lập thuộc địa ở Bắc-Mỹ mà sau khi giành được độc lập năm 1776 hầu hết các tiểu bang Hoa-kỳ đều chấp nhận. Tuy nhiên, từ sau thế kỷ thứ 17, quan niệm ly dị đã càng ngày càng được chấp nhận nhiều hơn, với kết quả là ở Hoa-kỳ các vấn đề pháp lý liên quan tới hôn nhân và ly dị đã được phân phối cho các cơ

quan lập pháp tiểu bang cũng như được đặt thuộc thẩm quyền của các tòa án tiểu bang.

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Vì luật lệ hôn nhân và gia đình Hoa-kỳ phần lớn phỏng theo luật lệ của Anh quốc nên khi nghiên cứu về bất cứ một vấn đề nào thuộc ngành luật này các tác giả Hoa-kỳ luôn luôn đề cập tới hay dẫn luật Anh quốc.

Bước sang thế kỷ thứ 20, luật lệ Hoa-kỳ liên quan tới hôn nhân và địa vị gia đình truyền thống như là một định chế xã hội căn bản đã có những quan niệm sau:

1. Hôn nhân là một cơ cấu hỗ trợ duy trì chính yếu và một yếu tố quyết định cho địa vị xã hội, kinh tế và pháp lý của vợ chồng và con cái.

2. Theo nguyên tắc, hôn nhân tồn tại cho đến khi một người phối ngẫu chết và trong khi hai người còn sống thì hôn nhân chỉ có thể chấm dứt vì nguyên nhân nghiêm trọng mà thôi.

3. Phương diện cộng đồng của hôn nhân và gia đình được nhấn mạnh hơn là nhân tính cá nhân của mỗi thành viên trong gia đình.

4. Trong phạm vi gia đình, khuôn mẫu quyền uy và phân phối chức phận tiêu chuẩn là người chồng và cha là nhân vật chủ yếu trong mọi quyết định có liên quan tới gia đình và người ấy có nhiệm vụ cung cấp mọi nhu cầu vật chất cho gia đình, còn người vợ và mẹ thì lo công việc nội trợ và trông nom con cái.

5. Việc sinh và dưỡng dục con cái là mục đích quan trọng của hôn nhân.

Điều đáng nói là với việc người đàn bà có chồng ra ngoài gia đình làm việc được trả lương càng ngày càng nhiều và dần dần không còn phải hoàn toàn lệ thuộc về kinh tế vào người chồng thì hôn nhân dễ bị chấm dứt nhiều hơn. Do kết quả của những phát triển xã hội và kinh tế trong mấy chục năm gần đây, gia đình có hai lương trở thành một tiêu chuẩn hơn là ngoại lệ, và ngày nay gia đình hiện đại Hoa-kỳ được định nghĩa bằng luật lệ trung tính (gender-neutral laws), phương cách sống mới, thực tế mới và hy vọng mới, mà kết quả là số con trong gia đình đã giảm đi nhiều và mức độ ly dị gia tăng nhanh chóng. Trong vụ *Orr v. Orr*, 440 U.S. 268, 99 S.Ct. 1102, 59 L.Ed. 2d 306 (1979), TCPVHK phán rằng những quan niệm xưa cũ rằng “*nói một cách tổng quát, trách nhiệm chính yếu của người đàn ông là cung cấp một mái nhà*”

ám và những nhu cầu cần thiết” không còn có thể biện minh cho những luật gia đình kỳ thị trên căn bản giới tính nữa và không còn “những người nữ vận mệnh chỉ định cho ở trong nhà, nuôi nấng gia đình, còn người đàn ông thì ở ngoài thị tập và thế giới tư tưởng.”

Đồng thời bắt đầu hình thành quan niệm cho rằng “gia đình hiện hữu cho cá nhân, chứ không phải là cá nhân hiện hữu cho gia đình”⁽⁸⁾.

Ngoài ra, chúng ta còn phải nói tới quan điểm của rất nhiều tác giả nữ quyền chủ trương rằng cơ cấu gia đình truyền thống được bảo tồn để duy trì sự thống trị của đàn ông. Thí dụ nữ giáo sư Martha Fineman chủ trương rằng quan niệm hôn nhân đã giới hạn sự phát triển chính sách gia đình bằng cách loại bỏ không xét tới nhiều giải pháp có thể thực thi cho các vấn đề xã hội⁽⁹⁾.

Một số khác đã biện luận cho việc hủy bỏ chính hôn nhân và thay bằng các cách thức khác. Chẳng hạn nữ giáo sư Nancy Polikoff đã biện luận cho những lựa chọn quan hệ khác hơn là hôn nhân để có thể phân phối tốt đẹp hơn các quyền lợi và trách nhiệm pháp lý và kinh tế giữa các đương sự khác nhau.⁽¹⁰⁾

Tuy nhiên, gia đình truyền thống Hoa-kỳ ngày nay, dù là đã hình thành khuôn mẫu vợ chồng cùng quyết định chung và kiếm tiền chung, đã bị những phát triển xã hội và kinh tế làm cho suy yếu nhiều.

Xin kể vài thí dụ rút từ các báo cáo của Cục Điều Tra Nhân Khẩu cho thấy những biến đổi sau trong khoảng thời gian từ năm 1970 đến năm 1993:

1. Tỷ số những người nam tuổi từ 25 đến 29 chưa lập gia đình đã tăng từ 19% lên tới 48%, còn về phía người nữ đã tăng từ 10% đến 33%.

2. Năm 1970, 13% gia đình do những bà mẹ độc thân làm chủ, nhưng tới năm 1993, con số đó đã tăng lên tới 28%.

3. Khoảng một nửa số gia đình do người mẹ độc thân làm chủ sống trong nghèo túng, còn những gia đình có cả hai vợ chồng làm chủ thì chỉ có 8% là sống trong nghèo túng.

4. Năm 1970 có khoảng 12% trẻ em sống với cha hoặc mẹ, nhưng đến năm 1990, con số đó tăng lên tới 25% (nghĩa là hơn 16 triệu trẻ em).

5. Số trẻ sinh ngoài hôn thú năm 1960 là 0.05% (1 trong 20 trẻ), tới năm 1990 con số đó tăng lên 1 trong 4 trẻ, tức 25% (còn theo các dữ liệu khác thì con số đó là 28%).

6. Những trẻ sống với hoặc là cha hoặc là mẹ, phần lớn là với mẹ, nghèo gấp 6 lần hơn những trẻ sống chung với cả cha lẫn mẹ.

Những thống kê như vậy cho thấy là gia đình truyền thống Hoa-kỳ có thể lâm nguy và khuynh hướng tiến tới một sự an bài gia đình phi truyền thống đã khiến người ta phải thẩm định lại các tiền đề căn bản của gia đình truyền thống, mà kết quả là cơ cấu gia đình truyền thống một lần nữa được củng cố mạnh mẽ hơn.

Thí dụ tài liệu **Marriage in America: A Report to the Nation** của Council on Families in America (do Institute for American Values xuất bản năm 1995) nói rằng: *“Đã đến lúc quan tâm của quốc gia phải thay đổi hướng tập trung từ ly dị sang hôn nhân và xây dựng lại một nền văn hóa gia đình đặt nền tảng trên quan hệ hôn nhân trường cửu.”*

Hay theo kết luận trong báo cáo **Beyond Rhetoric: A New American Agenda for Children and Families – Final Report** của National Commission on Children thì *“Các gia đình do hôn nhân tạo dựng nên, trong đó hai người thành niên thương yêu nhau, chiếu cố đến nhau, và con cái tạo nên một hoàn cảnh tốt đẹp nhất để đem con cái vào đời và giúp chúng trưởng thành và phát triển.”*

Cũng vì vậy, một số tiểu bang đã thăm dò nhiều cách để tăng cường hay “tái định chế hóa” hôn nhân truyền thống. Thí dụ hai tiểu bang Louisiana và Arizona đã ban hành pháp qui gọi là *“hôn nhân minh ước”* (covenant marriage) thay thế *“hôn nhân y pháp”* (regular marriage), trong đó các người phối ngẫu trước khi kết hôn đồng ý tham dự những buổi cố vấn của một giáo sĩ hay cố vấn hôn nhân, và còn đồng ý giải trừ hôn nhân căn cứ vào những nguyên nhân quá thất truyền thống (traditional fault grounds), thay vì ly dị vô quá thất (no-fault divorce).

Mặt khác, năm 1998 tiểu bang Florida đã ban hành **Luật Dự Bị và Bảo Tồn Hôn Nhân** (Marriage Preparation and Preservation Act), do cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa hợp soạn, theo đó:

1. Tất cả các học sinh trung học ở Florida phải học môn học bắt tu về hôn nhân và quan hệ gia đình.

2. Các cặp nam nữ đã hứa hôn với nhau được khuyên nên theo học khóa dự bị tiền hôn nhân, giảng dạy về các cách thức giải quyết tranh chấp, kỹ thuật truyền đạt hay trao đổi ý kiến để thông cảm nhau, các trách nhiệm tài chính, con cái và địa vị cùng quyền lực của cha mẹ, các dữ kiện mà vợ chồng phải đương đầu. Những người theo học khóa học này sẽ được giảm phí đăng ký hôn nhân.

3. Mỗi cặp nộp đơn xin chứng thư giá thú sẽ được cấp một tập tài liệu do Luật sư đoàn tiểu bang Florida soạn nói về “*các quyền lợi và trách nhiệm theo luật Florida của vợ chồng đối với nhau và đối với con cái trong thời kỳ hôn thú cũng như khi hôn thú giải trừ.*”

4. Những cặp vợ chồng có con mà đệ đơn xin ly dị ở Florida thì phải theo học khóa “*Giáo Dục Cha Mẹ và Sự Ổn Định Gia Đình*”, trong đó có giảng dạy về ảnh hưởng pháp lý và tình cảm của ly dị đối với người lớn và con cái, trách nhiệm tài chính, các luật lệ liên quan đến sự ngược đãi và sao lãng con cái, và các cách giải quyết các tranh chấp.

Nói tóm lại, địa vị của gia đình truyền thống vẫn còn tiếp tục đóng một vai trò trong xã hội Hoa-kỳ hiện tại và cần phải được luật pháp bảo vệ như là một cơ cấu xã hội và định chế quý báu. Do đó, một số tiểu bang đã bắt đầu ban hành những biện pháp luật pháp để tái định chế hóa hôn nhân và cơ cấu gia đình truyền thống, chủ yếu là bằng cách (a) thay đổi các pháp qui tiểu bang để làm cho việc ly dị khó khăn hơn bằng pháp qui “*hôn nhân minh ước*”; và (b) khuyến khích hay bắt buộc các cặp nam nữ phải tham dự những khóa học về giáo dục và cố vấn trước khi kết hôn với nhau.

Tuy nhiên, cho tới nay những sáng kiến lập pháp này thành công hay thất bại chưa thể xác định được.

B. Gia Đình Phi Truyền Thống

Ngoài quan niệm luật gia đình truyền thống ra còn có quan niệm luật gia đình phi truyền thống chi phối các vấn đề: sống chung không hôn thú (nonmarital cohabitation), cộng đồng hợp tác gia đình (domestic partnership), hôn nhân đồng giới tính (same-sex marriage), hôn nhân trên thực tế (de facto marriage), hôn nhân bằng cấm chỉ phản ngôn (marriage by estoppel), phụ hệ và tính cách con chính thức (paternity and legitimacy), nghĩa dưỡng do một người cha hay mẹ (single parent adoption), nghĩa dưỡng do cha hay mẹ đồng giới tính (homosexual parent adoption), các vấn đề tuyển trạch giới tính

có liên hệ tới con cái (sexual preference issues related to child), các quyết định về việc giám hộ con cái khi ly dị (custody determinations on divorce).

Thí dụ ở nhiều tiểu bang ngày nay các người cùng hay khác giới tính sống chung như vợ chồng có thể bằng kế ước qui định các quyền về tài sản và cấp dưỡng tách biệt với các quyền và nghĩa vụ hôn thú.

Một thí dụ khác là một số tiểu bang (California, Hawaii, New Jersey, Vermont) và thành phố (Seattle thuộc tiểu bang Washington; Madison thuộc tiểu bang Wisconsin; New York City thuộc tiểu bang New York; Takoma Park thuộc tiểu bang Maryland; và Berkeley, Santa Cruz, West Hollywood, San Francisco thuộc tiểu bang California) đã ban hành một số pháp qui hay điều lệ thừa nhận thân trạng cộng đồng hợp tác gia đình không hôn thú (nonmarital domestic partnership status) vì các mục đích của tiểu bang và thành phố.

Do kết quả của biến đổi xã hội về cách sống thấy trong việc phát triển nhanh chóng của gia đình phi truyền thống, nhiều người, như là giáo sư Lenore Weitzman, tỏ ý thắc mắc về khả năng tiếp tục tồn tại của chính gia đình truyền thống. Họ cho rằng cơ cấu pháp lý lâu đời của hôn nhân nay có thể trở nên lỗi thời và lợi ích của quốc gia trong việc duy trì gia đình truyền thống không đủ để đảo ngược những nhu cầu xã hội và cá nhân mới đòi hỏi cần có sự co rãn và lựa chọn hình thức gia đình.⁽¹¹⁾

Lại có những người, như nữ giáo sư Nancy Polikoff, chủ trương phế bỏ định chế hôn nhân và thay thế bằng các cách thức lựa chọn quan hệ nam nữ khác có thể thực thi được (đã nói ở đoạn A, **Gia Đình Truyền Thống**, bên trên).

Dù vậy, cũng có nhiều người tin rằng khó mà có thể xảy ra việc đa số các cơ quan lập pháp tiểu bang phế bỏ các đòi hỏi hôn thú lỗi thời.

Chẳng hạn giáo sư Homer H. Clark, Jr., cho rằng: “*Mặc dù có những phát triển này, đa số người Mỹ vẫn kết hôn theo phương thức truyền thống và tiếp tục coi hôn nhân là quan hệ quan trọng nhất trong đời họ.*”⁽¹²⁾

Theo nữ giáo sư Mary Ann Glendon, cho dù các đương sự có thể kết ước riêng tư không theo các luật lệ về hôn nhân của tiểu bang, thì họ có thể dùng luật lệ bảo vệ nào để ngăn ngừa việc một đương sự kết ước lợi dụng đương sự kia? Giáo sư còn nói rằng “*nếu tiểu bang từ bỏ chức trách lập qui*

về hôn nhân của mình đi thì lẽ dĩ nhiên cũng không thể cưỡng hành các kế ước bất khả chấp hành được.”⁽¹³⁾

Còn nữ giáo sư Lynne Wardle thì chủ trương rằng hôn nhân được đặt trên nền tảng một số các định chế nòng cốt căn bản trong phạm vi dân chủ hợp hiến của Hoa-kỳ, chứ không phải là chỉ trên nền tảng những an bài kế ước.⁽¹⁴⁾

Lại có nhiều người cho rằng dù cho khó mà có thể có việc nhiều tiểu bang rút ra khỏi chức trách lập qui về hôn nhân nhưng các đương sự vẫn có thể qui định các quyền lợi và nghĩa vụ hôn nhân của mình trong những kế ước và hiệp định hôn nhân miễn là nó không bất hợp pháp đối với tiểu bang hay bất công đối với các đương sự.

Để kết luận, người ta mong mỏi rằng các cơ quan lập pháp và tư pháp tiểu bang thừa nhận và bảo vệ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của cả hai cơ cấu gia đình truyền thống và gia đình phi truyền thống hiện đang tồn tại song song bên nhau trong xã hội Hoa-kỳ bằng cách qui định những quyền lợi và các phương thức bổ cứu pháp định (legal remedies) cho từng cơ cấu một theo chính sách công cộng của tiểu bang và căn cứ trên các nhu cầu hiện tại cũng như tương lai của công dân tiểu bang.

IV. Hiện Trạng Luật Gia Đình Hoa-kỳ

Những báo cáo của Cục Điều Tra Nhân Khẩu dẫn ở phần III bên trên không cho chúng ta biết thực tế việc hôn nhân đã thay đổi lớn lao đến mức độ nào.

Theo những dữ liệu khác, năm 1960 chỉ có 19% đàn bà đã kết hôn có con dưới 6 tuổi là đã đi làm việc bên ngoài gia đình, còn ngày nay con số đó lên tới 60%. Đây là chưa kể số những người có con dưới 18 tuổi mà đi làm là 75%.

Mặt khác, với sự giúp đỡ của y học hiện đại qua việc phát minh thuốc ngừa thai và trước tình trạng các y phí và bệnh viện phí lên cao không thể tưởng tượng nổi, càng ngày càng có nhiều cặp vợ chồng có hôn thú hay nam nữ sống chung với nhau không hôn thú quyết định không sinh con. Tiết dục (birth control) ngày một trở nên phổ biến hơn.

Ngoài ra, tới năm 1992, cứ 1 trong 4 người mang thai đã phá thai thay vì sinh con, còn số người nữ không chồng mà sinh con đã tăng từ 25% năm 1982 lên tới 60% mười năm sau.

Những đổi thay đó đã tạo nên nhiều thay đổi căn bản về các phương diện văn hóa, xã hội và luật pháp, nhất là những thay đổi thái độ và mô hình hành vi trong cơ cấu quyền uy, cải biến gia đình phụ hệ truyền thống và tương quan kinh tế bên trong gia đình, khiến cho người ta nói tới “gia đình mới”, với những đặc trưng như là di động, có thể phân khai và có thể thế hoán. Những thay đổi căn bản này đã dẫn tới việc duyệt xét lại các qui ước xã hội và canh cải những cơ cấu pháp lý trên căn bản bình đẳng giữa hai người phối ngẫu trong thực tế cũng như trong luật pháp.

A. Phạm Vi của Luật Gia Đình

Theo định nghĩa truyền thống, luật gia đình (family law, còn gọi là domestic relations law hay law of domestic relations) bao hàm những quan hệ pháp lý giữa vợ và chồng và giữa cha mẹ và con cái như là một đơn vị xã hội, chính trị và kinh tế. Trong những năm gần đây, phạm vi của luật gia đình đã nói rộng và bao gồm luôn cả những quan hệ pháp lý giữa những người sống chung với nhau không có hôn thú, thường được gọi là gia đình phi truyền thống.

Những phương diện pháp lý về quan hệ gia đình, dù là truyền thống hay phi truyền thống, bao gồm cả những nguyên tắc của luật hiến pháp, luật tài sản, luật kế ước, luật trách nhiệm dân sự, dân sự tố tụng, các qui định thành văn, các phương pháp bổ cứu công bình, hôn sản, quyền cấp dưỡng, v.v. Ngoài ra, các phạm vi của luật gia đình còn bao gồm cả luật thừa kế không di chúc và kiểm nhận di ngôn, thụ ích an sinh xã hội, bồi thường tai nạn lao động, các chương trình tiền dưỡng lão và hưu liễm, các lợi ích y tế, tiền bảo hiểm, các tố tụng về tổn thất kết hợp (loss of consortium acts), luật thuế khóa tiểu bang và liên bang, v.v., tất cả đều chịu ảnh hưởng trực tiếp của hiệu lực một hôn thú, mặc dù một vài lợi ích kể trên cũng được bao gồm trong pháp qui về cộng đồng hợp tác gia đình (domestic partnership) trong vài tiểu bang và thành phố.

B. Trạng Thái Di Động của Luật Gia Đình

Mặt khác, các hàm ý lý thuyết và thực hành của luật gia đình đã biến chuyển từ các vấn đề luân lý sang các vấn đề kinh tế.

Những thay đổi về hình thức và cơ năng gia đình đã cải biến chẳng những là sinh hoạt gia đình Hoa-kỳ mà còn cả luật gia đình Hoa-kỳ nữa. Luật gia đình ngày nay phải giải quyết những tranh chấp có liên quan tới những người sống chung không hôn thú, những người tham dự vào các hình thức sinh đẻ mới, những thách đố định nghĩa truyền thống về hôn nhân, phụ mẫu hệ, hôn sản, và ngay cả gia đình nữa.

Điều đáng nói là trình tự qui định những nguyên tắc công bình và có thể thi hành được cho gia đình thay đổi nhanh chóng không được êm xuôi và bị tranh nghị. Luật gia đình nay là trung tâm của nhiều vấn đề xã hội khó khăn nhất và nhiều xung động tình cảm nhất, như là: những người đồng giới tính có thể kết hôn với nhau được không? những cặp sống chung với nhau không hôn thú có tư cách để hưởng những lợi ích xưa nay chỉ có *“những người trong gia đình”* mới có được không? liệu một văn bằng luật khoa có thể được coi là một hôn sản để được chia khi có ly dị không? ai là mẹ của một trẻ tạo thành thai do tinh trùng và trứng của một cặp vợ chồng nhưng do một người đàn bà khác sinh ra?, v.v.

Sở dĩ các vấn đề luật gia đình đã gây nên nhiều tranh luận là bởi vì nhiều lý do. Quan hệ gia đình tạo nên nhiều tình cảm mạnh mẽ và thường là xung đột nhau. Mặt khác, luật gia đình thường dựa vào các bộ môn khác, như là: xã hội học, tâm lý học, điều giải, y học, và chấp hành luật; do đó, nó cũng thường bị lôi cuốn, vướng mắc vào những tranh luận trong các ngành này. Hơn nữa, nhiều vấn đề của luật gia đình cũng là những vấn đề của luân lý, tôn giáo, và giá trị văn hóa, cho nên có thể và đã từng bị tranh biện về những khía cạnh này, ngoài những khía cạnh luật pháp.

Thông thường luật gia đình Hoa-kỳ phần nhiều đặt trên nền tảng những giá trị tôn giáo và văn hóa được mọi nơi, mọi thời, mọi người công nhận. Tuy nhiên, vì Hoa-kỳ là một hỗn hợp các sắc dân khác nhau cho nên khả năng đạo đạt sự đồng thuận về nhiều vấn đề luật gia đình là cả một thách đố nặng nề.

Dù sao cũng có một vấn đề đã được mọi người đồng thuận: đó là sự quan trọng của gia đình như là một nhân tố của xã hội Hoa-kỳ. TCPVHK đã có lần phán rằng Hiến pháp Hoa-kỳ bảo vệ sự thánh thiện của gia đình và nhận định rằng *“định chế gia đình bắt nguồn sâu xa từ lịch sử và truyền thống”* của Hoa-kỳ. *Moore v. City of East Cleveland, Ohio, 431 U.S. 494, 97 S.Ct. 11932, 52 L.Ed. 2d 531 (1977).*

C. **Những Đổi Thay Quan Trọng**

Về phương diện luật pháp, trong hơn 40 năm qua cũng đã có rất nhiều thay đổi. Xin kể một số thí dụ.

1. Tuy Tu Chính Án Nam Nữ Bình Quyền (Equal Rights Amendment, ERA) do chính phủ liên bang đề nghị, theo đó “*sự bình đẳng quyền lợi theo pháp luật sẽ không bị liên bang hay bất cứ tiểu bang nào từ chối hay rút ngắn vì lý do giới tính*”, bị thất bại (cho tới hạn chót năm 1982 tu chính án không hội đủ số tiểu bang phê chuẩn, dù thời hạn phê chuẩn đã được gia hạn), nhưng trong thực tế người nữ đã đạt hầu như mọi quyền rồi.

2. Từ năm 1973 quyền phá thai của người nữ được các tòa án công nhận và cho tới nay vẫn được coi là một phương tiện chấm dứt thai nghén hợp pháp, mặc dù nó đã dẫn đến nhiều vụ thẩm sát khiến cho luật pháp liên bang hiện nay phải giới hạn quyền biểu tình chống đối sự phá thai.

3. Nhờ sự phát triển vượt bậc của kỹ thuật y khoa, ngày nay có nhiều phương tiện và cách thức giúp cho những cặp vợ chồng không thể sinh con theo lối thông thường có được con, từ thụ tinh nhân tạo (artificial insemination), qua thụ tinh trong ống thí nghiệm (in vitro fertilization), tới cấy thai (embryo transplant), và phương thức đại thế mẫu thân (surrogate mother). Tuy nhiên, những phương tiện và cách thức này đã đưa đến những vấn nạn đạo đức và luật pháp xưa nay chưa từng có và cho tới nay các giải đáp chưa được thỏa đáng.

4. Từ năm 1968 trở đi các con ngoại hôn đã giành được các quyền lợi như con chính thức.

5. Quyền của con cái đã được từ TCPVHK xuống đến các tòa án các cấp của các tiểu bang nhấn mạnh, trong khi quan niệm về quyền ưu tiên của cha mẹ đã bị hủy hoại rất nhiều, đến độ một danh xưng mới đã xuất hiện là “children’s lib” (giải phóng con cái), tương tự danh xưng “women’s lib” (giải phóng phụ nữ).

6. Chế độ cộng đồng giám hộ con cái của cả hai vợ chồng đã được các tòa án khai triển, mặc dù gần đây đã hé lộ xu hướng xét lại.

7. Ông bà đã được công nhận có quyền thăm viếng các cháu. Nếu cha mẹ từ chối sẽ bị trừng phạt nghiêm ngặt.

8. Tương quan giữa cha mẹ và con cái đã có nhiều thay đổi, và trở nên tương quan lỏng lẻo, bởi vì sự lệ thuộc tâm lý vào gia đình đã sút giảm nhiều. Hơn nữa, ngày nay cha mẹ vì bận rộn công việc làm ăn (không phải chỉ là những người say mê làm việc như say rượu, workaholic) nên đã không còn nhiều thời giờ dành cho con cái. Lại nữa, vì các gia đình tan vỡ ngày một nhiều hơn trước do những vụ ly dị và thay đổi nhiều hơn với việc tái hôn, tái giá của cha mẹ nên giàng buộc giữa họ và con cái lại càng lỏng lẻo thêm. Ngoài ra, còn phải nói tới các ảnh hưởng ngoại lai khác, như là điện ảnh, điện thị, điện não, cũng như của các bạn bè của con cái. Những giàng buộc lỏng lẻo trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái đã làm giảm đi nhiều sự kiểm soát của cha mẹ đối với quyết định kết hôn của con cái và đồng thời làm nổi lên quan niệm “các quyền của người con”, sự thay thế trách nhiệm gia đình bằng trách nhiệm xã hội trong việc cấp dưỡng cha mẹ hay thân thuộc gia nua, cũng như uy quyền của người cha đối với con cái hầu như biến mất.

9. Việc xử lý hôn sản tại nhiều tiểu bang theo chế độ biệt sản khi xảy ra những vụ ly dị đã biến đổi tình trạng tài quyết tự do không qui tắc sang tài quyết với những qui tắc rất chi tiết tới mức có thể tiên đoán kết quả của tố tụng được.

10. Những vụ bạo hành trong gia đình đã bị nghiêm trị nhiều hơn, nhất là từ khi có vụ O.J. Simpson. *In re Marriage of Simpson, 14 Cal. Rptr. 2d 411, 842 P. 2d 931 (Cal. 1992).*

11. Ngày nay người chồng có thể bị trừng trị vì tội “*cưỡng hiếp vợ*” nếu bắt ép vợ phải giao hợp tính dục với mình, mặc dù định nghĩa tội hành có nhiều điểm không chắc chắn.

12. Nếu như xưa kia người chồng giết vợ ngoại tình được tha tội, thì ngày nay người vợ cũng được miễn tội giết chồng bạo hành.

13. Năm 1973 tiểu bang Washington là tiểu bang đầu tiên đã thay đổi luật lệ, cho phép một người phối ngẫu đơn phương chấm dứt hôn thú vì bất cứ một nguyên nhân nào, hay chẳng vì một nguyên nhân nào cả.

14. Thất vọng với luật lệ cũng như là luật sư tính tiền thù lao quá đáng cho nên đã xuất hiện khuynh hướng đi tìm những biện pháp thay thế bất đối địch khác, như là điều đình, mặc dù không thể kết luận rằng ly dị vô quá thất ngụ ý chỉ những dàn xếp bất đối địch.

15. Hôn nhân giữa những người đồng giới tính dần dần được coi là hợp pháp, tuy vẫn còn nhiều tiểu bang chưa thừa nhận.

16. Những vụ sống chung không hôn thú giữa hai người nam và nữ hay giữa những người đồng giới tính tuy tại nhiều tiểu bang vẫn bị coi là tội hình sự thông gian, ngoại tình, kê gian, nhưng càng ngày càng gia tăng và đã đưa đến khuynh hướng coi là tạo nên những quan hệ cộng đồng hợp tác có hiệu lực ước thúc pháp định (legally binding partnerships).

17. Tình trạng di động và có thể thể hoán của tương quan vợ chồng cũng như tương quan giữa cha mẹ và con cái là đặc trưng của nhiều diễn biến trong luật lệ con cái cũng như là trong luật hôn nhân. Hơn nữa, người ta càng ngày càng chấp nhận quan niệm là vì các vấn đề giám hộ con cái cần phải quan tâm chặt chẽ hơn là đối với cha mẹ nên các giảng buộc sinh vật hay luật pháp là những yếu tố quyết định việc giám hộ con cái hay chấm dứt quyền của cha mẹ.

Mặt khác, trong địa hạt giám hộ con cái sau khi cha mẹ ly dị, những giảng buộc họ hàng sâu rộng lại tái xuất hiện trong các tổ tụng vì án lệ đã nhiều lần cho ông bà được quyền thăm viếng các cháu. Tuy nhiên, sự việc này không có nghĩa là quan hệ thân thuộc pháp định được tăng cường, mà chỉ là sự thích ứng của pháp luật đối với tình trạng di động biến hóa của gia đình, một phương pháp trong đó ông bà thường được ghép vào khối "*những người quan trọng khác*" (significant others) không phải là thân thuộc, như là cha mẹ nuôi, những người sống chung, cha mẹ kế, và ngay cả những người coi giữ trẻ em (baby-sitters) nữa.

18. Quan hệ cha mẹ kế (step-parents) bắt đầu dẫn đến nhiều sự cố pháp lý, ngay cả trong những trường hợp quan hệ đó chưa được chính thức hóa qua sự nghĩa dưỡng pháp định.

19. Các thuyết về nghĩa dưỡng cũng đã thay đổi. Xưa kia mục đích của nghĩa dưỡng là nỗ lực làm cho người con nuôi hòa hợp với gia đình cha mẹ nuôi càng nhiều càng hay và đoạn tuyệt mọi giảng buộc khác thì quan niệm "*nghĩa dưỡng khai phóng*" (open adoption) gần đây đã nổi lên, cho phép con nuôi được giữ nguyên những giảng buộc với gia đình cũ của mình.

20. Quan niệm về hôn nhân đã biến đổi. TCPVHK nhấn mạnh rằng hôn nhân là một "*nhân quyền căn bản*" (fundamental human right). Tuy nhiên, những cách sống cá nhân mới và càng ngày càng có nhiều cơ hội cho người nữ có chức nghiệp hoàn toàn đã làm giảm bớt tính cách quan trọng của hôn

nhân như là một định chế xã hội và kinh tế, mặc dù mức độ kết hôn cũng như ly dị và tái hôn tái giá ở Hoa-kỳ vẫn còn cao.

Xưa kia gia đình được quan niệm là một đơn vị sản xuất, trong đó người chồng làm việc bên ngoài gia đình và là người kiếm cơm duy nhất, còn người vợ lo liệu công việc nội trợ bên trong, cho nên vợ và cả cá con cái nữa phải lệ thuộc vào người chồng. Do đó, người chồng có địa vị ưu thế hơn và có quyền uy pháp định nhiều hơn. Trái lại, ngày nay vì người vợ có nhiều cơ hội làm việc ở bên ngoài gia đình với chức nghiệp hoàn toàn, nên nhược điểm kinh tế lâu đời của người vợ đã giảm đi rất nhiều. Hơn nữa, người vợ còn có quyền uy ngang hàng với chồng trong việc quản lý gia đình và hôn sản. Đây là chưa nói đến việc, vì người vợ ngày nay có quyền hoạt động bên ngoài gia đình nên, khi cần hay nếu muốn, người vợ có thể thoát ly gia đình, chấm dứt hôn nhân một cách dễ dàng hơn nhiều mà không phải lo đến sinh kế mấy.

Mặt khác, vì ngày nay hôn nhân được coi là một nhân quyền căn bản, chứ không còn là một đơn vị sản xuất nữa, cho nên nó cũng dễ dàng chấm dứt khi một bên yêu cầu như vậy, nhiều khi chẳng vì một nguyên nhân nào cả.

Căn cứ vào những đổi thay, mà những nhận xét trên chỉ là một số thí dụ, người ta quan niệm gia đình mới không phải là gia đình theo nghĩa một mô hình đơn độc có thể coi là điển hình cho các xã hội kỹ nghệ hóa hiện đại, mà là một quan niệm tiêu biểu cho nhiều loại gia đình cùng hiện hữu bên nhau.

D. Khuyết Điểm của Luật Gia Đình Hoa-kỳ

Luật gia đình áp dụng tại Hoa-kỳ đã bị chỉ trích nhiều vì không quan tâm đến những người thuộc khối chủng tộc thiểu số cũng như những người nghèo khó.

1. Tình Trạng Đa Văn Hóa của Xã Hội Hoa-kỳ

Thực vậy, như đã nói ở một đoạn bên trên, xã hội Hoa-kỳ là một xã hội hợp chủng, gồm người thuộc đủ mọi chủng tộc, sắc tộc. Ngoài người da trắng (đa số) ra, còn có những người da đen, da vàng, da đỏ, v.v., tất cả được xếp vào loại dân tộc thiểu số. Họ từ nhiều quốc gia đến lập nghiệp, mang theo đủ mọi loại văn hóa. Trong khi đó, luật gia đình áp dụng tại Hoa-

kỳ đối với các khối dân có văn hóa và chủng tộc khác biệt thường bị coi là luật lệ của “*giai cấp trung lưu da trắng*”. Do đó, một số giá trị truyền thống mang tính cách giá trị của khối văn hóa đa số rất ít được chấp nhận trong khối văn hóa thiểu số.

Một thí dụ là qui tắc phức tạp về vấn đề con ngoại hôn. Trong khối người da trắng, tỉ số con sinh ngoài hôn thú là 2.3% năm 1960, lên tới 6.3% năm 1973 và 22% năm 1991, mà vẫn được coi là chưa ra ngoài tiêu chuẩn. Hơn nữa, các cha mẹ nuôi nhận nuôi con ngoại hôn da trắng lúc nào cũng có nên tình trạng con ngoại hôn da trắng không phải là một vấn đề xã hội khẩn thiết cho bằng tìm giải pháp cho vấn đề những cặp vợ chồng không có con. Trái lại, trong khối người da đen, tỉ số con sinh ngoài hôn thú là 21.6% năm 1960, 42% năm 1973 và 68% năm 1991, nên không còn được coi là ngoại lệ nữa.

Với những con số như vậy, chúng ta thấy luật gia đình của giai cấp trung lưu da trắng rõ ràng là cần phải thích ứng với hoàn cảnh xã hội hiện hữu. Đối với vấn đề con ngoại hôn sự thích ứng trở nên khẩn yếu vì luật gia đình thiếu vắng một quan hệ pháp định giữa cha và con, do lẽ luật lệ truyền thống hầu như là phủ nhận có một quan hệ pháp định giữa cha và con ngoại hôn. Giải pháp thực tiễn là luật lệ phải qui định cho con ngoại hôn có các quyền bình đẳng với con chính thức, nghĩa là có đầy đủ thân phận chính thức đối với người cha. Nếu được như vậy thì cánh cửa sẽ mở ra cho sự chấp hành việc cấp dưỡng con ngoại hôn và cho người con ngoại hôn đủ tư cách để hưởng những lợi ích xã hội. Chúng ta nên nhớ rằng cách đây 40 năm, các lý thuyết gia xã hội quan niệm rằng nếu người cha không kết hôn với người mẹ thì người con sinh ra sẽ không có cha và xã hội phải gánh chịu mọi phí tổn cấp dưỡng người con ngoại hôn.

2. Nghèo Khó

Luật gia đình còn bị chỉ trích vì không có những qui định đồng đẳng cho người nghèo khó so với người giàu có. *Boddie v. Connecticut*, 401 U.S. 371, 91 S.Ct. 780, 28 L.Ed. 2d 113 (1971); *Zablocki v. Redhail*, 434 U.S. 374, 98 S.Ct. 673, 54 L.Ed. 2d 618 (1978).

Chẳng hạn, nếu những thủ tục đòi hỏi cho một vụ ly dị đơn giản phải tốn vài trăm Mỹ kim lệ phí thì nó sẽ hoàn toàn gạt bỏ một cách hữu hiệu những cặp vợ chồng có lợi tức thấp không thể trả được. Nhiều người căn cứ vào thực tế, đã chỉ trích rằng hầu hết các luật lệ về ly dị chẳng qua chỉ là một nguồn lợi tức lớn cho giới luật sư, vì chỉ có những người giàu lắm tiền mới có

thể thuê luật sư. Họ đã nêu lên những thắc mắc rất nghiêm túc về tích cách pháp lý của những luật lệ này.

Do đó, có những người đã đề nghị cung cấp những nguồn cần thiết cho họ. Đề nghị này đã được thực hiện trong những thập niên gần đây bằng sự thành lập những trung tâm trợ lý pháp luật (legal aid centers) giúp đỡ miễn phí những cặp vợ chồng có lợi tức thấp muốn ly dị nhau.

Đề nghị khác là viết lại những luật lệ đòi hỏi một cách không cần thiết những thủ tục tốn kém. Đề nghị này chưa được mấy tiểu bang theo.

Một thí dụ khác về sự bất bình đẳng của luật gia đình là việc phá thai. Tuy từ năm 1973, với phán quyết *Roe v. Wade*, 410 U.S. 113, 93 S.Ct. 705, 35 L.Ed. 2d 147 (1973), việc phá thai đã được cho phép, nhưng không phải là miễn phí. Luật do Quốc hội liên bang ban hành không cho phép sử dụng quỹ Trợ giúp y phí (Medicaid), trừ phi mạng sống của người nữ mang thai bị lâm nguy.

Luật lệ này đã bị chỉ trích chẳng những vì người con sinh ra có thể sẽ phải lệ thuộc vào công quỹ mà còn vì đó là một hành vi của chính phủ từ chối không cho người nữ nghèo sử dụng quyền lựa chọn có nên mang thai hay không, mà TCPVHK đã coi là “*một quyền căn bản*” và đã kiên trì bảo vệ từ phán quyết *Roe v. Wade* (dẫn trên) đến phán quyết *Planned Parenthood of Southeastern Pennsylvania v. Casey*, 505 U.S. 833, 112 S.Ct. 2791, 120 L.Ed. 2d 674 (1992).

Điều đáng nói là TCPVHK lại duy trì pháp qui không cho sử dụng quỹ Trợ giúp y phí cho việc phá thai, như trong phán quyết *Harris v. McRae*, 448 U.S. 297, 100 S.Ct. 2671, 65 L.Ed. 2d 784 (1980). Dù vậy, nhiều tòa án tiểu bang đã căn cứ vào các hiến pháp tiểu bang mà cho phép sử dụng chương trình Trợ giúp y phí cho việc phá thai trong những trường hợp đặc biệt. Thí dụ *Committee to Defend Reproductive Rights v. Myers*, 172 Cal. Rptr. 866, 625 P. 2d 779 (Cal. 1981); nhưng cũng nên xem thêm phán quyết *Doe v. Department of Social Services*, 439 Mich. 650, 487 N.W.2d 166 (1992).

Chú Thích

(1) Sau đây là các từ Anh ngữ dùng trong nghị định: (a) **chủ gia đình trên danh nghĩa**: *the nominal head of the household*; (b) **đơn vị kinh tế gia đình**

đơn độc: *single housekeeping unit*; (c) **đơn vị gia cư đơn độc:** *single dwelling unit*.

(2) Người con phù dưỡng: *dependent child*.

(3) Tức là các phán quyết *Wisconsin v. Yoder*, 406 U.S. 205, 92 S.Ct. 1526, 32 L.Ed. 2d 15 (1972); *Meyer v. State of Nebraska*, 262 U.S. 390, 43 S.Ct. 625, 67 L.Ed. 1042 (1923); và *Pierce v. Society of the Sisters of the Holy Names of Jesus and Mary*, 268 U.S. 510, 45 S.Ct. 571, 69 L.Ed. 1070 (1925).

(4) (a) **Những sự phân biệt pháp lý giả tưởng:** *fictitious legal distinctions*.
(b) **Quá khứ di truyền:** *genetic history*.

(5) Người thành niên cộng đồng hợp tác chung thân: *adult lifetime partners*.

(6) Án văn không trích dẫn định nghĩa của **Black's Law Dictionary**.

(7) *Common-law relationships*, tức là sống chung không hôn thú như vợ chồng.

(8) Mary Ann Glendon trong **The New Family and the New Property**, 1981, tr. 33.

(9) Thí dụ xem Martha Fineman, "Why Marriage?", 9 **Va. J. Soc. Pol'y & L.** 239 (2001).

(10) Nancy Polikoff, "Ending Marriage As We Know It", trong 32 **Hofstra L. Rev.** 201 (2003).

(11) Lenore Weitzman, "Legal Regulation of Marriage: Tradition and Change, A Proposal for Individual Contracts and Contracts in Lieu of Marriage", trong 62 **Cal. L. Rev.** 1169-1170 (1974).

(12) Homer H. Clark, Jr., **Law of Domestic Relations in the United States**, West, St. Paul, Minnesota, ấn bản 2, 1987, tr. 75.

(13) Mary Ann Glendon, "Marriage and the State: The Withering Away of Marriage", trong 62 **Va. L. Rev.** 663, 666 (1976).

(14) Lynne Wardle, "The Bonds of Marriage and the Bonds of Constitutional Democracy", trong 32 **Hofstra L. Rev.** 349 (2003).

